TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/10/2024
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Chao Thị Mỹ H – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 và ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024. Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS ngày 24/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị Kim T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp Rẫy Mới, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn H**, sinh năm 1988. Nơi cư trú cuối cùng: Ấp Rẫy Mới, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, bị tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Danh Thị Kim T trình bày và yêu cầu như sau:*

Tôi với ông Lâm Văn H chung sống có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng

dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng xa cách, không hạnh phúc. Kể từ năm 2010, ông H bỏ nhà đi khỏi đi khỏi địa phương đến nay, tôi và cả người thân 02 bên gia đình đã cố gắng đi tìm bằng nhiều cách nhưng không hề có thông tin gì về ông H. Hiện nay tôi không biết ông H đang làm gì và ở đâu.

Sau đó tôi có gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông H mất tích và đến ngày 10/6/2024, Tòa án đã ban thành quyết định tuyên bố ông Lâm Văn H mất tích. Nay tôi yêu cầu xin được ly hôn với ông Lâm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Lâm Ái V, sinh ngày 06/6/2009, tôi xin nuôi cháu V đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn ông Lâm Văn H đã bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố mất tích nên không thể ghi nhận lời khai, ý kiến của ông H và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H. Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự việc T không yêu cầu cấp dưỡng. Chị T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Lâm Văn H, có nơi cư trú cuối cùng tại ấp Rẫy Mới, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Lâm Văn H vắng mặt nhiều lần không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Kim T với anh Lâm Văn H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/11/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy ông Lâm Văn H người bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố mất tích theo quyết định số 74/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024 đã có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì tòa án giải quyết cho ly hôn"*. Vì vậy việc chị T xin ly hôn với ông H là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Do anh H bị tuyên bố mất tích, con chung đang sống với chị T nên giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Danh Thị Kim T được ly hôn với anh Lâm Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Ái V, sinh ngày 06/6/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Bảo đảm quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

lai thu số 0004073 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên chị T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho